

Bản án số: 858/2023/HC-PT

Ngày: 22 - 9 - 2023

V/v: “Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại và hành vi hành chính không ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Duyên

*Các Thẩm phán:*

Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Hà Huy Cầu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Yến - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Cao Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15/9/2023 và 22/9/2023, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai trực tuyến vụ án hành chính thụ lý số: 439/2023/TLPT-HC ngày 03 tháng 7 năm 2023 về việc “Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại và hành vi hành chính không ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2023/HC-ST ngày 09 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2084/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

**- Người khởi kiện:** Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1952 (có mặt).

Nơi đăng ký trường trú: Khu phố B, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Tổ F, ấp S, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang

**Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:** Ông Nguyễn Chí N, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ A, khu phố A, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang

- *Người bị kiện:*

1/Chủ tịch Ủy ban nhân thành phố P, tỉnh Kiên Giang

2/Ủy ban nhân thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ: Số D, đường C, khu phố B, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Lê Quốc T, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P (xin xét xử vắng mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:* Ông Trần Quang L, chức vụ: Trưởng Ban Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện đại diện người khởi kiện ông Nguyễn Chí N trình bày:*

Bà C có diện tích đất 10.803,7m<sup>2</sup> loại đất trồng cây, tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện P, tỉnh Kiên Giang, bao gồm các thửa như sau: Thửa số 575 diện tích 1.696,20m<sup>2</sup>, là đất trồng cây lâu năm; thửa số 600 diện tích 656,80m<sup>2</sup> là đất trồng cây lâu năm; thửa số 600 diện tích 400m<sup>2</sup> là đất ở; thửa số 592a diện tích 100m<sup>2</sup> là đất trồng cây lâu năm; thửa số 592 diện tích 1.438,60m<sup>2</sup>, là đất trồng cây lâu năm; thửa số 578 diện tích 3.319,60m<sup>2</sup> là đất trồng cây lâu năm; thửa số 564 diện tích 3.192,50m<sup>2</sup> là đất trồng cây lâu năm.

Ngày 30/12/2016 Ủy ban nhân dân huyện P ban hành các quyết định thu hồi của bà tổng cộng 10.803,7m<sup>2</sup> đất tại các thửa nói trên để thực hiện dự án Cấp treo và quần thể vui chơi giải trí biển H - P.

Trong tổng diện tích đất thu hồi của bà thì Ủy ban nhân dân huyện P đã thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ cho các thửa gồm: Thửa số 575, diện tích 1.696,20m<sup>2</sup>; thửa số 600, diện tích 656,80m<sup>2</sup>; thửa số 600, diện tích 400m<sup>2</sup>; thửa số 592a, diện tích 100m<sup>2</sup>. Tổng cộng bà đã được bồi thường đối với diện tích 2.853m<sup>2</sup>.

Diện tích đất còn lại của bà là 7.950,7m<sup>2</sup> mặc dù bị thu hồi cùng thời điểm nhưng đến nay chưa được xem xét bồi thường, hỗ trợ. Cụ thể: tại các thửa như sau: Thửa số 592 diện tích 1.438,60m<sup>2</sup>, bị thu hồi theo Quyết định số 8771/QĐ-UBND, thửa số 578 diện tích 3.319,60m<sup>2</sup>, bị thu hồi theo Quyết định số 8772/QĐ-UBND, thửa số 564 diện tích 3.192,50m<sup>2</sup>, bị thu hồi theo Quyết định số 8773/QĐ-UBND.

Do không được bồi thường, hỗ trợ về đất và không được bồi thường về cây trồng, vật kiến trúc, 02 ngôi mộ trên đất nên bà làm đơn khiếu nại đến Ủy ban

nhân dân huyện P. Ngày 27/11/2019 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P đã ban hành Quyết định số 5505/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà. Nội dung Quyết định số 5505/QĐ-UBND không thừa nhận nội dung khiếu nại yêu cầu bồi thường quyền sử dụng đất tổng diện tích 7.950,7m<sup>2</sup> và yêu cầu bồi thường đối với cây trồng của bà. Nhưng thống nhất bồi thường di chuyển 02 ngôi mộ cho gia đình bà.

Vì vậy nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 5505/QĐ-UBND ngày 27/11/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P. Lý do vì nguồn gốc diện tích đất nêu trên là do gia đình bà trực tiếp khai khẩn từ năm 1972. Gia đình bà cũng là người trực tiếp canh tác đất từ ngày khai khẩn đến nay. Bà sử dụng đất liên tục, đầu tư công sức để trồng khoai mì, chuối, xoài, dừa, xà cừ, sao...mà không bỏ hoang đất. Gia đình bà đến tại khu vực đất này khi chưa có một bóng người sinh sống, lúc đó điều kiện sống vô cùng khó khăn gian khổ. Tuy nhiên bằng nghị lực, khát khao, bản lĩnh của những người đi khai hoang, mở đất, gia đình bà đã đứng vững nơi đầu sóng ngọn gió, tạo dựng được cuộc sống ổn định, nuôi sống các thế hệ con cháu của mình và góp phần lập nên một miền quê trù phú, bảo vệ vững chắc vùng biên cương Đất nước.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P cho rằng bà vào sử dụng đất từ năm 2011 là hoàn toàn sai sự thật. Bởi đất này gia đình bà đã vào khai khẩn, sử dụng từ năm 1972 đến nay. Việc sử dụng đất của gia đình bà được rất nhiều người dân cao tuổi, sống lâu năm tại địa phương biết rõ và xác nhận. Mặt khác trên diện tích đất này gia đình bà có sử dụng để chôn cất hai (02) ngôi mộ của người thân vào năm 2000, trên đất còn có các công trình, vật kiến trúc gia đình bà đã xây dựng từ năm 2001 để sử dụng như móng đá, sân phơi cá, lò đốt than... nhưng khi giải quyết đơn Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện không thẩm tra, xác minh làm rõ.

Rõ ràng Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P đã giải quyết không đúng pháp luật đối với đơn khiếu nại của bà, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi chính đáng cho bà.

Chính vì vậy, nay bà làm đơn này yêu cầu Tòa án giải quyết chấp nhận các yêu cầu của bà, hủy Quyết định số 5505/QĐ-UBND ngày 27/11/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Đồng thời buộc Ủy ban nhân dân huyện P phải ban hành các quyết định về việc bồi thường, hỗ trợ về đất đai, vật kiến trúc và mồ mả cho gia đình bà theo đúng quy định của pháp luật.

*Trong quá trình giải quyết vụ kiện, người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố P trình bày ý kiến:*

Qua nghiên cứu hồ sơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố huyện P có ý kiến như sau:

\* Trình tự, thủ tục: Về thẩm quyền giải quyết, Quyết định số 5505/QĐ-UBND ngày 27/11/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H là quyết

định giải quyết khiếu nại lần đầu do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H ký ban hành là đúng với quy định tại Điều 18 Luật Khiếu nại 2011.

- Về trình tự, thủ tục giải quyết: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H thực hiện đúng theo quy định Điều 27, Điều 28, Điều 29 và Điều 30 của Luật khiếu nại 2011.

- Về hình thức văn bản: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H giải quyết khiếu nại bằng hình thức Quyết định là đúng với quy định tại Điều 31 Luật Khiếu nại 2011.

\* Nội dung: Diện tích đất 7.950,8m<sup>2</sup> bà C bị thu hồi (gồm diện tích 3.319,6m<sup>2</sup>; diện tích 3.192,5m<sup>2</sup> và diện tích 1.438,6m<sup>2</sup>) để thực hiện dự án Cấp treo và Quần thể vui chơi giải trí biển H - P tại thị trấn A, xã H, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Về nguồn gốc diện tích 7.950,8m<sup>2</sup> là đất do Nhà nước quản lý không có ai vào tác động sử dụng. Đến năm 2000 do toàn bộ khu đất trên không ai tác động sử dụng, nên gia đình bà C vào chôn cất 02 ngôi mộ với diện tích 25m<sup>2</sup> trên diện tích 1.438,6m<sup>2</sup> (theo Quyết định thu hồi đất), diện tích còn lại 7.925,8m<sup>2</sup> hiện trạng vẫn là đất cây rừng mọc tự nhiên do Nhà nước quản lý. Đến năm 2011 bà C vào phát dọn cây rừng trồng xà cừ, cây sao, cây dừa xen lẫn với cây rừng tự nhiên, sử dụng cho đến khi quy hoạch dự án.

Từ quá trình sử dụng đất nêu trên, việc nhà nước không bồi thường quyền sử dụng đất diện tích 7.950,8m<sup>2</sup> (gồm diện tích 3.319,6m<sup>2</sup>; diện tích 3.192,5m<sup>2</sup> và diện tích 1.438,6m<sup>2</sup>) và không bồi thường cây trồng trên đất là phù hợp với Khoản 4 Điều 82 Luật Đất đai 2013; Khoản 1 Điều 3 Bảng quy định đơn giá bồi thường về cây trồng, hoa màu trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (Ban hành kèm theo Quyết định số 31/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh K).

Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H ban hành Quyết định số 5505/QĐ-UBND ngày 27/11/2019 về việc giải quyết khiếu nại đối với bà Nguyễn Thị C là đúng quy định của pháp luật về đất đai hiện hành.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố huyện P đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn khởi kiện với nội dung “hủy Quyết định số 5505/QĐ-UBND ngày 27/11/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H về việc giải quyết khiếu nại và buộc Ủy ban nhân dân thành phố huyện P ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ đối với phần đất có diện tích 7.950,8m<sup>2</sup> theo quy định của pháp luật cho bà Nguyễn Thị C.

Ngày 17/6/2022 Ủy ban nhân dân thành phố P bổ sung ý kiến: Vào ngày 09/7/2020 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P đã ban hành công văn 472/UBND-NCPC về việc nêu ý kiến đối với các nội dung khởi kiện vụ án hành chính của bà Nguyễn Thị C. Tuy nhiên, qua nghiên cứu hồ sơ và căn cứ trên cơ sở các chứng cứ thu thập được trong quá trình Tòa án nhân dân tỉnh đang thụ lý vụ án, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P có ý kiến bổ sung như sau: Căn cứ

trên cơ sở bản đồ địa chính của xã H (nay thuộc phường A) và sổ mục kê đất đai đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K ký duyệt ngày 20/9/2011 thì toàn bộ diện tích 7.950,8m<sup>2</sup> là khu đất do nhà nước quản lý theo hiện trạng, không có người kê khai đăng ký sử dụng.

Đồng thời, cũng xác định diện tích đất mà bà Nguyễn Thị C sử dụng và đã được xác lập trên sổ mục kê đất đai đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K ký duyệt ngày 20/9/2011 là thửa đất số 125 tờ bản đồ số 5 với diện tích 4.239,6m<sup>2</sup> và thửa đất số 134 tờ bản đồ số 5 với diện tích 1.073,6m<sup>2</sup>, hiện nay bà C đã chuyển nhượng cả hai thửa cho hộ dân khác.

Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện đối với nội dung “hủy Quyết định số 5505/QĐ-UBND ngày 27/11/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H về việc giải quyết khiếu nại và buộc Ủy ban nhân dân thành phố huyện P ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ đối với phần đất có diện tích 7.950,8m<sup>2</sup> theo quy định của pháp luật” của bà Nguyễn Thị C.

*Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2023/HC-ST ngày 09 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã quyết định như sau:*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C:

Tuyên hủy một phần Quyết định số 5505/QĐ-UBND ngày 27/11/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) P về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị C. Cụ thể, hủy phần không chấp nhận bồi thường, hỗ trợ về đất đai, cây trồng trên đất cho bà Nguyễn Thị C đối với diện tích 1.438,60m<sup>2</sup>.

2. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị C đối với diện tích đất 1.438,60m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp B, xã H (nay phường A), thành phố P, tỉnh Kiên Giang theo đúng quy định của Pháp luật.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C đối với yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành quyết định bồi thường đối với diện tích đất 6.512,1m<sup>2</sup> (tại thửa số 578 và 564) tọa lạc tại ấp B, xã H (nay phường A), thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

4. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị C về hỗ trợ đối với diện tích đất 6.512,1m<sup>2</sup> (tại thửa số 578 và 564) tọa lạc tại ấp B, xã H (nay phường A), thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

5. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị C bằng 60% giá đất nông nghiệp đối với diện tích đất 6.512,1m<sup>2</sup> (tại thửa số 578 và 564) tọa lạc tại ấp B, xã H (nay phường A), thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/3/2023 người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố P kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện xin xét xử vắng mặt. Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại bản án sơ thẩm. Người khởi kiện bà Nguyễn Thị C (có ông Nguyễn Chí N là đại diện theo ủy quyền) không đồng ý yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Trong phần tranh luận:

*Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện phát biểu:* Ủy ban nhân dân thành phố P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, phần diện tích 1.438,6m<sup>2</sup> theo bản án sơ thẩm cho rằng đủ điều kiện bồi thường do sử dụng trước 01/7/2004 là không đúng. Đối với diện tích 6.512,1m<sup>2</sup> thì bản án sơ thẩm xác định không bồi thường nhưng đề nghị hỗ trợ thì Ủy ban nhân dân thành phố P cũng không thống nhất, vì theo chính sách hỗ trợ của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND vì phần diện tích này năm 2016 đã có quyết định thu hồi và phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ, thì không có chính sách hỗ trợ đối với phần đất sử dụng sau 01/7/2004, ngoài ra điều khoản chuyển tiếp tại Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND đối với phần đất đã có quyết định thu hồi đất, bồi thường thì không áp dụng chính sách hỗ trợ, nên việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND để buộc người bị kiện tính hỗ trợ cho bà C khi thu hồi diện tích 6.512,1m<sup>2</sup> là không đúng. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị kiện, sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của bà C.

*Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:* Đối với phần đất 1.438,6m<sup>2</sup> trên phần đất có nền nhà 100m<sup>2</sup> được Ủy ban nhân dân thành phố P đã ban hành quyết định bồi thường đối với diện tích này, nhưng không bồi thường diện tích xung quanh, trong khi 02 diện tích này liền kề nhau. Thời điểm năm 2000 gia đình bà C có chôn cất người thân có 02 ngôi mộ trên đất, được xác định từ năm 2000. Thời điểm 2000 – 2001 bà C có thuê người canh tác đất để không bị sạt lở, có những người được bà C thuê chứng minh, nên có căn cứ xác định phần đất này bà C đã quản lý sử dụng trước 01/7/2004. Đối với phần đất 6.512,1m<sup>2</sup> thì bà C đã có quản lý sử dụng đất từ năm 2000 – 2001 nên đủ điều kiện được hỗ trợ. Bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính tiến hành xét xử vụ án.

[2] Thực hiện dự án Cáp treo và Quần thể vui chơi giải trí biển H - P tại thị trấn A, xã H, huyện P, tỉnh Kiên Giang, Ủy ban nhân dân huyện P (nay là thành phố P) thu hồi diện tích 7.950,8m<sup>2</sup> đất của bà Nguyễn Thị C, nhưng không bồi thường hỗ trợ. Bà C có khiếu nại. Ngày 27/11/2019 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P có Quyết định số 5505/QĐ-UBND bác yêu cầu khiếu nại về việc bồi thường, hỗ trợ về đất và cây trồng trên đất khi thu hồi đất của C. Do đó, bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 5505/QĐ-UBND ngày 27/11/2019, buộc Ủy ban nhân dân thành phố P thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất.

[3] Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[3.1] Đối với thửa số 592 diện tích 1.438,60m<sup>2</sup> bị thu hồi theo Quyết định số 8771/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban nhân dân huyện P (nay là thành phố P):

Xét, lời trình bày của ông Lê Văn K: “Vào năm 2001 bà C có thuê ông xây móng đá, thời điểm này ông thấy trên đất có 02 ngôi mộ của cháu bà C và căn nhà trên đất rẫy”; Ông Phạm Văn P người có đất giáp ranh đất bà C trình bày: “Ông sinh sống tại H từ năm 1989, ông là người có đất bị thu hồi hơn 1.000m<sup>2</sup> đã được bồi thường, hỗ trợ xong, trước đây ông làm Chi hội trưởng H Nông dân và là tổ trưởng tổ hòa giải của ấp B, ông biết được đất bà C có nguồn gốc sử dụng trước năm 1997, vì cơn bão số 5 vào năm 1997 nhà bà C bị sập nên ban lãnh đạo ấp có vận động và cho gia đình bà C thiết để cất lại nhà, căn nhà nhỏ hơn để coi rẫy hiện nay vẫn còn, đất bà C trồng hoa màu, làm sân phơi cá, trồng cây và trên đất cập biển có chôn hai đứa cháu ngoại vào năm khoảng năm 2001”; Lời khai ông Bùi Hồng P1 là dân sinh sống địa phương trình bày: “Tôi biết được đất bà C bị thu hồi có nguồn gốc ông N1 cho trước năm 1997, vì thời điểm cơn bão số 5 vào năm 1997 đã làm sập nhà bà C nên ban lãnh đạo ấp có vận động và cho tol (thiết) để bà cất lại căn nhà nhỏ hơn để giữ đất làm rẫy, bà có thuê người xây móng đá vào khoảng năm 2001 và khi cháu bà chết cũng chôn trên đất”; Phù hợp với hiện trạng trên đất có 02 ngôi mộ của cháu ngoại bà C được chôn trên đất vào năm 2000, ngoài ra phần đất này một mặt giáp biển được bà thuê người xây móng đá vào năm 2001 để bảo vệ không bị sóng biển sạt lở; Trong phạm vi diện tích đất 1.438,60m<sup>2</sup> có diện tích 100m<sup>2</sup> (nền nhà bà cất nhà trước năm 1997) bị thu hồi, Ủy ban nhân dân thành phố huyện P cũng xác định diện tích 100m<sup>2</sup> này bà C cất nhà trước năm 1997 nên đã bồi thường, hỗ trợ; Sau khi bà C không phơi cá phân nữa thì bà cũng đã trồng hơn 50 cây xà

củi rẫy rác khu đất. Từ những chứng cứ trên có cơ sở xác định diện tích đất 1.438,60m<sup>2</sup> của bà C bị thu hồi có quá trình sử dụng trước ngày 01/7/2004 (sử dụng trước năm 1997).

Về điều kiện bồi thường, hỗ trợ: Theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất và Điều 75, 77 Luật đất đai năm 2013 thì bà C đủ điều kiện bồi thường khi thu hồi diện tích 1.438,60m<sup>2</sup>. Ủy ban nhân dân huyện P (nay là thành phố P) cho rằng diện tích xung quanh nền nhà 100m<sup>2</sup> là 1.438,60m<sup>2</sup> tách ra làm thửa riêng và cho rằng sử dụng năm 2011 nên không đủ điều kiện bồi thường là chưa xem xét toàn diện các chứng cứ, gây ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của bà C. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của bà C về việc được bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi diện tích đất này là có căn cứ chấp nhận. Ngoài ra, phần đất của bà C bị thu hồi năm 2016 nhưng đến nay chưa được bồi thường. Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, trường hợp diện tích 1.438,60m<sup>2</sup> của bà chưa có phương án bồi thường, hỗ trợ thì phải thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định của Luật đất đai năm 2013.

[3.2] Đối với diện tích 3.319,60m<sup>2</sup> thuộc thửa 578, bị thu hồi theo Quyết định số 8772/QĐ-UBND, và diện tích 3.192,50m<sup>2</sup> thuộc thửa 564, bị thu hồi theo Quyết định 8773/QĐ-UBND cùng ngày 30/12/2016; Tổng diện tích 02 thửa là 6.512,1m<sup>2</sup>:

Theo bà C trình bày có quá trình sử dụng từ năm 1972 và trên đất có căn nhà xây cất trước năm 1997, do cơn B số 5 vào năm 1997 đã làm sập nhà bà và địa phương có hỗ trợ cho bà tol để cất lại căn nhà nhỏ hiện nay còn trên đất, ngoài ra còn có hàng dừa 03 cây cao khoảng 15m đến 20m giáp ranh đất bán cho bà N2, 01 cây xoài lớn, lò đốt than.

Tuy nhiên, theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án thì trên đất chỉ có cây trồng rẫy rác toàn bộ diện tích như biên bản đã kiểm kê năm 2019. Tại biên bản kiểm kê bà C thừa nhận cây trồng trên đất là do bà chồng khoảng năm 2011, 2012. Đối với 03 cây dừa trên đất (dừa cao khoảng 15 đến 20m, căn nhà hiện trên đất để giữ rẫy, lò đốt than, 01 cây xoài loại lớn nằm trong phần đất Ủy ban đã thu hồi và bồi thường cho bà N2. Đất nền nhà bà C xây cất trước năm 1997 nằm trong phạm vi diện tích đất 1.438,60m<sup>2</sup>. Mặt khác, theo Sổ mục kê đất đai ngày 20/9/2011 thể hiện bà C có thửa đất số 125 diện tích 4.239,6m<sup>2</sup>, thửa 134 diện tích 1.073,6m<sup>2</sup>, nhưng phần đất này hiện nay nằm bên phần đất của bà N2 do bà C và bà N2 có sự thỏa thuận mua bán với nhau; còn phần diện tích 6.512,1m<sup>2</sup> bà C cũng không kê khai, đăng ký đất đai. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trên thì bà C quản lý, sử dụng diện tích đất này từ năm 2011, nên năm 2016 Ủy ban nhân dân thành phố P không bồi thường khi thu hồi diện tích đất 6.512,1m<sup>2</sup> là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Về việc xem xét hỗ trợ: Tại Điều 33 Quyết định 26/2020/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh K quy định: “Đối với những dự án đã có



*quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước khi Quy định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo phương án đã phê duyệt, không áp dụng hoặc điều chỉnh lại theo Quy định này. Việc xử lý bồi thường chậm thực hiện theo quy định của pháp luật đất đai”. Xét, phần đất của bà C bị thu hồi vào năm 2016, đã có quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư nên không thuộc trường hợp áp dụng Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND. Do đó, nội dung kháng cáo của người bị kiện liên quan đến diện tích đất này là có căn cứ chấp nhận.*

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu kháng cáo của người bị kiện là có căn cứ được chấp nhận một phần. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa; Sửa một phần bản án sơ thẩm theo nội dung nhận định trên.

[5] Án phí hành chính phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên người có kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính,

I. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Sửa một phần bản án hành chính sơ thẩm số 07/2023/HC-ST ngày 09/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Áp dụng Điều 75, 77 Luật đất đai năm 2013; Khoản 4 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013; Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh K; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C:

Hủy một phần Quyết định số 5505/QĐ-UBND ngày 27/11/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) P về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị C (Cụ thể: Phần nội dung Quyết định số 5505/QĐ-UBND liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ về đất đai, cây trồng trên đất cho bà Nguyễn Thị C đối với diện tích 1.438,60m<sup>2</sup>).

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P thực hiện hành vi hành chính ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị C đối với diện tích đất 1.438,60m<sup>2</sup> thuộc thửa 592 tọa lạc tại ấp B, xã H (nay phường A), thành phố P, tỉnh Kiên Giang theo đúng quy định của Pháp luật.

2. Án phí hành chính sơ thẩm:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, Ủy ban nhân dân thành phố P, mỗi người phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị C không phải chịu.

II. Án phí hành chính phúc thẩm:

Ủy ban nhân dân thành phố P không phải chịu, hoàn trả 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008660 cùng ngày 28/3/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- NKK (1);
- NBK (2);
- Lưu (10) 18b (Án TTKY).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Duyên**